

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KCN NAM TÂN UYÊN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 32
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4603000142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 21 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 28/12/2011 và thay đổi sang số 3700621209.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Bình Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Hùng	Ủy viên
Ông Trương Văn Quan	Ủy viên
Ông Nguyễn Bá Lý	Ủy viên
Ông Huỳnh Kim Nhựt	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thoại Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Hữu Tín	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bò Thanh Tuấn	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lệ Dung	Trưởng ban
Ông Đỗ Khắc Thăng	Thành viên
Bà Liêu Bích Mai	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Hùng

11110
CHI N
ÔNG T
NG KI
AA
BINH-T

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên được lập ngày 10 tháng 01 năm 2014, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0522-2013-002-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thái

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1623-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		179.781.814.734	199.152.687.367
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	82.797.095.664	52.065.544.528
111	1. Tiền		27.811.557.786	12.854.775.000
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.985.537.878	39.210.769.528
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	31.420.962.533	69.506.086.533
121	1. Đầu tư ngắn hạn		31.420.962.533	69.506.086.533
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		42.852.901.500	54.024.471.899
131	1. Phải thu của khách hàng		16.624.228.996	28.755.563.955
132	2. Trả trước cho người bán		19.884.750.514	12.686.266.724
135	5. Các khoản phải thu khác	5	15.151.285.552	14.416.714.059
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(8.807.363.562)	(1.834.072.839)
140	IV. Hàng tồn kho	6	10.258.490.886	10.333.358.040
141	1. Hàng tồn kho		10.258.490.886	10.333.358.040
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.452.364.151	13.223.226.367
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	6.970.052.701	7.730.914.917
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	5.482.311.450	5.492.311.450
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		747.456.709.753	653.379.891.070
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		39.250.000.000	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	9	39.250.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		123.101.462.811	76.084.537.388
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.012.317.600	16.273.675.238
222	- Nguyên giá		25.648.728.072	24.794.049.945
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.636.410.472)	(8.520.374.707)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	246.176.671	374.616.667
228	- Nguyên giá		436.833.600	436.833.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(190.656.929)	(62.216.933)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	107.842.968.540	59.436.245.483
240	III. Bất động sản đầu tư	13	285.635.853.570	271.693.488.971
241	- Nguyên giá		347.816.670.138	316.328.965.722
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(62.180.816.568)	(44.635.476.751)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	291.930.500.000	298.580.500.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		108.802.500.000	106.702.500.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		187.328.000.000	191.878.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(4.200.000.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.538.893.372	7.021.364.711
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	7.538.893.372	7.021.364.711
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		927.238.524.487	852.532.578.437

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		723.422.926.175	658.570.273.237
310	I. Nợ ngắn hạn		98.250.336.688	68.802.669.822
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	50.500.000.000	28.430.728.642
312	2. Phải trả người bán		254.663.690	374.367.903
313	3. Người mua trả tiền trước		28.778.994.478	494.080.983
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.365.339.041	2.665.017.825
315	5. Phải trả người lao động		1.627.020.513	350.122.414
316	6. Chi phí phải trả	18	341.066.993	1.872.792.591
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	19	12.263.409.273	32.491.006.134
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.119.842.700	2.124.553.330
330	II. Nợ dài hạn		625.172.589.487	589.767.603.415
333	3. Phải trả dài hạn khác	20	7.308.887.950	3.469.287.842
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	21	617.863.701.537	586.298.315.573
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		203.815.598.312	193.962.305.200
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	203.815.598.312	193.962.305.200
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		160.000.000.000	160.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.750.000.000	5.750.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		11.812.364.701	11.812.364.701
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.187.620.943	4.451.616.329
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.065.612.668	11.948.324.170
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		927.238.524.487	852.532.578.437

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		443,89	24.905,36

Người lập biểu

Nguyễn Thị Triều Tiên

Kế toán trưởng

Bồ Thanh Tuấn

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hùng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	61.585.242.822	52.742.285.947
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	2.702.703.042	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	58.882.539.780	52.742.285.947
11	4. Giá vốn hàng bán	26	21.725.124.288	19.717.773.004
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.157.415.492	33.024.512.943
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	30.925.601.215	23.785.786.670
22	7. Chi phí tài chính	28	6.766.375.077	4.203.802.781
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.529.837.514	2.618.578.397
24	8. Chi phí bán hàng	29	1.668.590.263	1.201.827.213
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	31.141.674.482	23.941.083.931
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.506.376.885	27.463.585.688
31	11. Thu nhập khác	31	158.609.313	674.419.855
32	12. Chi phí khác	32	88.151.900	231.594.161
40	13. Lợi nhuận khác		70.457.413	442.825.694
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.576.834.298	27.906.411.382
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	760.862.216	3.372.924.257
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>27.815.972.082</u>	<u>24.533.487.125</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.738	1.533

Người lập biểu

Nguyễn Thị Triều Tiên

Kế toán trưởng

Bồ Thanh Tuấn

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		144.675.864.167	123.320.200.229
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(97.318.662.035)	(52.445.722.406)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.779.008.660)	(9.017.810.401)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2.535.879.354)	(3.114.606.001)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(1.591.650.515)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.515.745.873	4.573.173.492
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.588.639.694)	(11.272.932.293)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30.969.420.297	50.450.652.105
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(80.742.965.005)	(34.684.374.184)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	30.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.000.000.000)	(74.290.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		81.140.000.000	62.349.696.652
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(8.600.000.000)	(28.360.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	17.250.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.332.445.228	18.564.260.127
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.129.480.223	(39.140.417.405)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		56.886.559.752	80.355.322.694
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(34.817.288.394)	(76.924.594.052)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(24.436.682.000)	(16.760.703.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.367.410.642)	(13.329.974.758)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		30.731.489.878	(2.019.740.058)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		52.065.544.528	54.083.266.784
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61.258	2.017.802
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	82.797.095.664	52.065.544.528

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Triều Tiên

Bồ Thanh Tuấn

Nguyễn Minh Hùng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4603000142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 21 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 28/12/2011 và thay đổi sang số 3700621209.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Bình Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng; tương đương 16.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh); Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi;
- Thi công xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng;
- Xây dựng công trình giao thông, cầu đường;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- San lấp mặt bằng;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh khách sạn;
- Trồng cây cao su;
- Kinh doanh nguyên liệu, sản phẩm cây cao su;
- Khai thác gỗ rừng trồng;
- Kinh doanh dịch vụ cảng;
- Kinh doanh dịch vụ bến bãi;
- Vận tải hàng hóa đường thủy;
- Đầu tư tài chính;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý rác thải không độc hại;
- Xử lý rác thải độc hại;
- Xử lý nước thải;
- Mua bán các loại cây giống, cây cảnh;
- Ươm, trồng các loại cây giống, cây cảnh;
- Thi công công viên cây xanh;
- Phân tích mẫu nước thải;
- Chế biến sản phẩm cây cao su.

105-
NHÀ
TY T
KIỂM
ASC
T.P.H

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

06-C
VH
VHH
TOÁN
CHÍNH

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị quản lý	03 - 08	năm
- Cây lâu năm	08	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm

Từ tháng 6/2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

2.8 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Đường	10 - 30	năm
- Cơ sở hạ tầng	04 - 25	năm

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 .Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu và giá vốn của hoạt động cho thuê đất và cơ sở hạ tầng khu công nghiệp

Doanh thu cho thuê lại đất của khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng ghi nhận theo số tiền phải thu của khách hàng hàng năm.

Giá vốn của hoạt động cho thuê đất và phí cơ sở hạ tầng là chi phí đền bù giải tỏa khu công nghiệp được phân bổ theo gian thuê đất, chi phí khấu hao tài sản và chi phí thực tế phát sinh có liên quan.

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên được miễn thuế 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến 2016); thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% được áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm (2005 đến năm 2019) theo điều 03 Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 24/10/2005 và khoản 3 Điều 1 Nghị định 152/NĐ-CP ngày 06/08/2004 đối với cơ sở kinh doanh phát triển hạ tầng mới thành lập từ dự án đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp.

5-000-
HÀNH
Y TNHH
EM TOÁ
.SC
T.P.HỒ C

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	516.655.022	276.601.176
Tiền gửi ngân hàng	27.294.902.764	12.578.173.824
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	54.985.537.878	39.210.769.528
	82.797.095.664	52.065.544.528

(1) Chi tiết các khoản tương đương tiền

	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội- CN Bình Dương (*)	1 tháng	6,5%-7%/năm	45.955.232.627
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) - CN Bình Dương	3 tháng	7%/năm	1.030.305.251
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Bình Dương	3 tháng	7%/năm	8.000.000.000
			54.985.537.878

(*) Giá trị tiền gửi NH dùng để thế chấp cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng này là 15.955.232.627 VND.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	23.250.000.000	-
Cho vay ngắn hạn ⁽²⁾	8.170.962.533	69.506.086.533
	31.420.962.533	69.506.086.533

(1) Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn

	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Dương	6 tháng	7%/năm	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Bình Dương	3 tháng	7%/năm	8.250.000.000

(2) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn tại 31/12/2013

<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao Su</i>			5.000.000.000
- Hợp đồng 110/HĐTD-KCN	12 tháng	14%/năm	5.000.000.000
<i>Cho cá nhân vay</i>	12 tháng	9%/năm	3.170.962.533

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	13.031.777	18.217.782
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, cổ tức	3.276.715.954	2.708.481.252
Phải thu về tiền cho Công đoàn mượn	420.500.000	470.500.000
Ứng vốn cho Công ty Cổ phần Cảng Thạnh Phước	3.470.000.000	3.250.000.000
Phải thu về tạm ứng tiền cho bên Điện lực thi công công trình điện	1.985.000.000	1.985.000.000
Phải thu lãi tiền gửi của Công ty Cổ phần Chứng khoán Delta	5.984.360.000	5.984.360.000
Phải thu về Thuế TNCN của CBCNV	1.677.821	155.025
	15.151.285.552	14.416.714.059

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	69.721.493	87.595.475
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽¹⁾	10.188.769.393	10.245.762.565
	10.258.490.886	10.333.358.040

(1) Chi phí sản xuất dở dang gồm:

- Chi phí về khu dân cư là 7.919.174.467 đồng; đây là khoản chi phí đền bù cho người dân, chi phí lập dự án đầu tư, quy hoạch chi tiết và một số chi phí ban đầu của dự án khu dân cư. Khoản chi phí này Công ty nhận một phần từ Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà theo biên bản bàn giao ngày 21/12/2005, ngoài ra một phần là chi phí đền bù cho người dân. Dự án khu dân cư đến thời điểm này vẫn chưa triển khai xây dựng.
- Chi phí chênh lệch mua lại quyền thuê đất lô J1-4 là: 2.269.594.926 đồng; đây là khoản chi phí chênh lệch khi nhận chuyển nhượng lại đất đã cho thuê theo Hợp đồng thanh lý ký ngày 19/09/2008 với Công ty Khai thác Chế biến Lâm nông sản cung ứng Xuất khẩu. Khoản chi phí này Công ty đang phân bổ dần vào giá vốn theo thời hạn cho thuê do mảnh đất nhận lại đã cho Khách hàng khác thuê lại với giá cao hơn.

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.970.052.701	7.730.914.917
	6.970.052.701	7.730.914.917

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	5.482.311.450	5.492.311.450
	5.482.311.450	5.492.311.450

9 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về đầu tư Làng biệt thự du lịch sinh thái ven sông (*)	11.250.000.000	-
Phải thu khác về đầu tư Công ty CP KCN Dầu Giây	22.250.000.000	-
Phải thu khác về đầu tư Công ty CP Đầu tư VRG Sài Gòn	5.750.000.000	-
	39.250.000.000	-

Các khoản phải thu này đều là các cổ phiếu công ty mua qua các công ty khác nhưng chưa chuyển được sổ cổ đông sang tên công ty, chi tiết:

Cổ phiếu	Bên đứng tên hộ	Số lượng	Giá trị theo MG
Làng biệt thự du lịch sinh thái ven sông	Công ty Đầu tư xây dựng cao su	1.125.000	11.250.000.000
Công ty CP KCN Dầu Giây	Công ty Đầu tư xây dựng cao su	2.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Đầu tư VRG Sài Gòn	Công ty CP Cao su Phước Hòa	500.000	5.000.000.000

(*) Trong giá trị đầu tư mua cổ phiếu của Làng biệt thự du lịch sinh thái ven sông có 793.200.000 đồng vốn huy động của cán bộ công nhân viên ủy thác đầu tư công ty đang đứng tên hộ.